

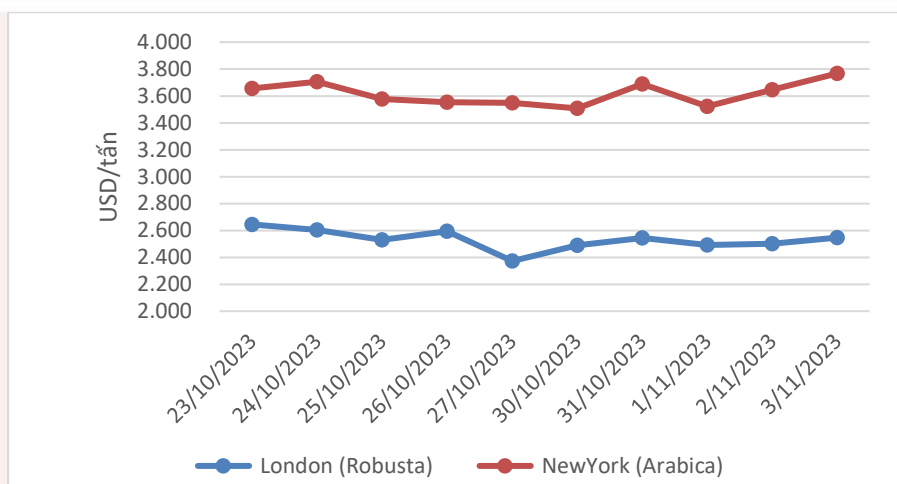
BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 1/2023 đạt mức bình quân 2.515 USD/tấn, giảm 1,37% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2023 đạt mức bình quân 3.626 USD/tấn, tăng 0,49% so với tuần trước.
- ❖ Sản lượng cà phê Ấn Độ dự báo tăng 3.000 tấn so với năm 2022.
- ❖ Nhập khẩu cà phê của EU giảm trong tháng 7/2023.
- ❖ Tanzania đặt mục tiêu sản xuất kỷ lục, 300.000 tấn cà phê.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 44, giá cà phê ở thị trường London có xu hướng giảm so với tuần trước, trong tuần có 3 phiên tăng giá và 1 phiên giảm giá. Giá cà phê Robusta - kỳ hạn tháng 1/2024 trung bình đạt 2.515 USD/tấn, giảm 1,37% so với tuần trước, nhưng tăng 33,9% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.546 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.490 USD/tấn.[1]

Tại thị trường New York, trong tuần qua có 3 phiên tăng giá và 1 phiên giảm giá. Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2023 bình quân đạt 3.626 USD/tấn, tăng 0,49% so với mức giá tuần trước, nhưng giảm 6,8% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.768 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.508 USD/tấn. [1]

Sản lượng cà phê Ấn Độ dự báo tăng 3.000 tấn so với năm 2022.

Năm 2023, các quan chức hội đồng cà phê, ITDA và nông dân đang mong đợi sản lượng thêm 3.000 tấn cà phê sạch so với năm trước. Nguyên nhân là do việc áp dụng các biện pháp quản lý phù hợp để cải thiện năng suất của các đồn điền hiện có, mở rộng diện tích trồng trọt và lượng mưa dồi dào. [2]

Việc thu hoạch cà phê đã bắt đầu ở quận Alluri, khoảng hai đến ba tuần trước thời gian dự kiến. Năng suất dự kiến đạt 1200 – 1750kg/ha, cao hơn 250 - 375kg/ha so với năm 2022. [2]

Chính phủ đã lên kế hoạch bổ sung thêm 1.000 mẫu đất trồng cà phê khu vực hiện có trong 7 năm qua. Giá cà phê dự kiến sẽ là 43USD/kg. [2]

Nhập khẩu cà phê của EU giảm trong tháng 7/2023.

Cục Xuất nhập khẩu-Bộ Công Thương dẫn số liệu của cơ quan Thống kê châu Âu cho biết, nhập khẩu cà phê của EU trong 6 tháng đầu năm 2023 đạt 9,74 tỷ EUR, giảm 4,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Xu hướng giảm này tiếp tục diễn ra trong tháng 7/2023, với kim ngạch nhập khẩu đạt 1,57 tỷ EUR, giảm 11,1% so với tháng 7/2022. [3]

Nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ giảm mạnh trong nửa đầu năm 2023.

Theo số liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, nhập khẩu cà phê của nước này trong 6 tháng đầu năm 2023 giảm 9,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 617,1 nghìn tấn, trị giá 3,46 tỷ USD. Xu hướng giảm này tiếp tục diễn ra trong các tháng 7 và 8, với kim ngạch nhập khẩu đạt 182,62 triệu USD và 144,1 triệu USD, giảm lần lượt 17,3% và 11,2%. [3]

Tanzania đặt mục tiêu sản xuất 300.000 tấn cà phê.

Theo The Citizen, Chính phủ Tanzania đặt mục tiêu nâng sản lượng cà phê hàng năm lên mức kỷ lục là 300.000 tấn vào năm 2025 - 2026. Mục tiêu này được đưa ra bởi Giáo sư Aurelia sKammuzora, Chủ tịch Ủy ban Cà phê Tanzania (TCB). [4]

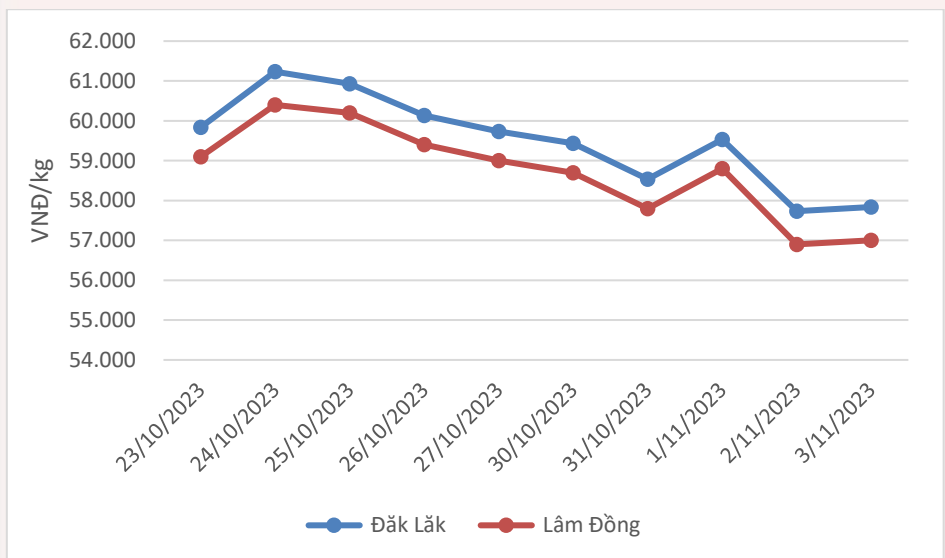
Để đạt được mục tiêu này, chính phủ Tanzania đang thực hiện một số biện pháp giải quyết các thách thức mà ngành cà phê phải đối mặt, chẳng hạn như giá cà phê trên thị trường thế giới giảm, thiếu nguyên liệu đầu vào, dịch bệnh, cây cà phê già đi và độ phì nhiêu của đất giảm ở một số vùng trồng cà phê. Ngoài ra, chính phủ cũng sẽ tăng cường kiểm soát chất lượng hạt cà phê tại thị trường địa phương để đảm bảo giá cả ổn định, đồng thời thực hiện các biện pháp hỗ trợ người nông dân trước biến động giá trên thị trường thế giới. [4]

Tanzania là một quốc gia sản xuất cà phê hàng đầu ở châu Phi. Trong nhiều thập kỷ, sản lượng cà phê của nước này dao động quanh mức 50.000 tấn mỗi năm. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, sản lượng đã tăng lên, đạt mức kỷ lục 85.000 tấn vào năm ngoái. Việc nâng sản lượng cà phê lên 300.000 tấn vào năm 2025 - 2026 sẽ là một thành tựu đáng kể đối với Tanzania. Mục tiêu này sẽ mang lại lợi ích cho cả nông dân và nền kinh tế của đất nước. [4]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên giảm mạnh trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 58.613 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 57.840 VNĐ/kg.
- ❖ Xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm mạnh trong Quý III/2023, giảm 46,1% về lượng và 36,7% về trị giá so với Quý II/2023.
- ❖ Niên vụ 2023 – 2024, sản lượng cà phê tỉnh Đắk Lắk ước đạt gần 558.730 tấn.
- ❖ Đắk Mil (Đắk Nông) đang tập trung phát triển cà phê chất lượng cao, đặc sản.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này tiếp tục giảm so với tuần trước nhưng vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2022. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 58.613 VNĐ/kg, giảm 2,92% so với tuần trước (giảm 1.760 VNĐ/kg so với tuần 43), nhưng giá cà phê bình quân tuần 43 vẫn tăng 42,84% so với cùng kỳ năm 2022. [5]

Tuần 43, giá cà phê trung bình tại Lâm Đồng giảm mạnh, giảm 1.780 VNĐ/kg so với tuần trước. Giá cà phê bình quân trong tuần đạt 57.840 VNĐ/kg, giảm 2,99% so với tuần trước nhưng tăng 42,81% so với cùng kỳ năm trước. [5]

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm mạnh trong quý III/2023.

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong Quý III/2023 đạt 244,48 nghìn tấn, trị giá 735 triệu USD, giảm 46,1% về lượng và 36,7% về trị giá so với Quý II/2023. So với Quý III/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam giảm 25,3% về lượng và 4,6% về trị giá. [6]

So với Quý III/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang hầu hết các khu vực đều giảm, ngoại trừ châu Á và châu Phi. Trong đó, xuất khẩu sang châu Á giảm 2,5% về lượng và 1,5% về trị giá, còn xuất khẩu sang châu Phi tăng 4,2% về lượng và 2,2% về trị giá. [6]

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang hầu hết các thị trường giảm, ngoại trừ Thái Lan tăng nhẹ. So với Quý III/2022, xuất khẩu cà phê sang nhiều thị trường giảm, nhưng xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Tây Ban Nha, Philippines, Trung Quốc, Anh, ... đều ghi nhận tăng trưởng trong Quý III/2023. [6]

Số với Quý III/2022, xuất khẩu hầu hết các chủng loại cà phê đều giảm, ngoại trừ cà phê chế biến tăng trưởng lên đến 33,9%. Trong đó, xuất khẩu cà phê Robusta giảm 25,3% về lượng và 4,6% về trị giá; xuất khẩu cà phê Arabica giảm 40,8% về lượng và 21,8% về trị giá; xuất khẩu cà phê Excelsa giảm 66,7% về lượng và 66,7% về trị giá. [6]

Dự báo, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ tăng trở lại trong Quý IV/2023 do yếu tố chu kỳ và nguồn cung nội địa dồi dào. Vụ thu hoạch cà phê niên vụ 2023/2024 sẽ diễn ra trong Quý IV/2023 và Quý I/2024. [6]

Cơ hội xuất khẩu chính ngạch cà phê sang Trung Quốc.

Theo số liệu thống kê, tốc độ nhập khẩu cà phê của Trung Quốc tăng bình quân hơn 25%/năm. Năm 2022, nhập khẩu cà phê Trung Quốc từ Việt Nam đạt gần 50 triệu USD. [7]

Cà phê Việt Nam đang có cơ hội xuất khẩu sang Trung Quốc, thị trường có tiềm năng lớn với sức mua cao. Tuy nhiên, đây cũng là thị trường cạnh tranh cao, đòi hỏi các doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe.

Để xuất khẩu cà phê sang Trung Quốc, doanh nghiệp cần có mã số GACC do Hải quan Trung Quốc cấp. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng cần đầu tư vào đa dạng hóa sản phẩm cà phê đặc sản, cà phê chế biến và kiểm soát chất lượng cà phê theo tiêu chuẩn quốc tế.

Niên vụ 2023 – 2024, sản lượng cà phê tỉnh Đắk Lắk ước đạt gần 558.730 tấn.

Vụ mùa thu hoạch cà phê năm 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đang diễn ra thuận lợi. Giá cà phê tăng cao, mang lại niềm vui cho người dân trồng cà phê. Niên vụ 2023 - 2024, toàn tỉnh có khoảng 213.000 ha cà phê, với sản lượng ước đạt 558.730 tấn. Trong đó, huyện Krông Năng có khoảng 23.000 ha cà phê, với sản lượng ước đạt 69.000 tấn. [8]

Người dân trồng cà phê ngày càng chú trọng nâng cao chất lượng vườn cây bằng việc áp dụng khoa học kỹ thuật, sản xuất theo hướng hữu cơ. Nhờ đó, năng suất cà phê duy trì ổn định ở mức 3 tấn/ha. [8]

Dự báo, vụ mùa thu hoạch cà phê năm 2023 - 2024 sẽ diễn ra thuận lợi, mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho người dân trồng cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. [8]

Đắk Mil (Đắk Nông) đang tập trung phát triển cà phê chất lượng cao, đặc sản.

Tính đến thời điểm hiện tại, Đắk Mil đã tái canh, ghép cải tạo, trồng thay thế, trồng mới hơn 70% diện tích cà phê của huyện với các giống cà phê với năng suất cao, sản phẩm cấp hạt tốt như TR4, TR9, TR11, TR12, TRS,... Đặc biệt, trong đó có giống cà phê dây bản địa của xã Thuận An (Đắk Mil). [9]

Trên địa bàn huyện có 57 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở thu mua, sơ chế cà phê nhân và 17 cơ sở rang xay chế biến cà phê, với tổng công suất khoảng 1,5 tấn/ngày. Huyện đang có 3 hợp tác xã kết nối với 1.220 nông hộ tham gia sản xuất cà phê bền vững theo các tiêu chuẩn như VietGAP, UTZ, 4C, FairTrade,... với tổng diện tích 1.503 ha. Nhờ các biện pháp này, năng suất cà phê của mô hình tăng 15%, thu nhập trung bình của nông dân trong mô hình tăng 14%, tiết kiệm được 40% lượng nước tưới. [9]

Hiện nay, Đắk Mil đã có 3 nhãn hiệu cà phê đã được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Trong đó, có 2 nhãn hiệu thông thường của tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh cà phê (cà phê Hoàng Gia Phú, cà phê bột Đắk Đam) và 1 nhãn hiệu chứng nhận tập thể (Cà phê Đắk Mil). [9]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. [The Times of India](#)
3. [Cục Xuất nhập khẩu- Bộ Công thương](#)
4. [The Citizen](#)
5. Cộng tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên
6. [Cục Xuất nhập khẩu- Bộ Công thương](#)
7. [Báo điện tử VTV](#)
8. [Báo điện tử Đắk Lắk](#)
9. [Báo điện tử Đắk Nông](#)

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	58.700	57.800	58.800	56.900	57.000	57.840	-1.780
Di Linh	58.700	57.800	58.800	56.900	57.000	57.840	-1.780
Lâm Hà	58.700	57.800	58.800	56.900	57.000	57.840	-1.780
Bảo Lộc	58.700	57.800	58.800	56.900	57.000	57.840	-1.780
ĐẮK LẮK	59.433	58.533	59.533	57.733	57.833	58.613	-1.760
Cư M'gar	59.500	58.600	59.600	57.800	57.900	58.680	-1.760
Ea H'leo	59.400	58.500	59.500	57.700	57.800	58.580	-1.760
Buôn Hồ	59.400	58.500	59.500	57.700	57.800	58.580	-1.760
ĐẮK NÔNG	59.450	58.550	59.550	57.600	57.700	58.570	-1.680
Gia Nghĩa	59.500	58.600	59.600	57.700	57.800	58.640	-1.660
Đắk R'lấp	59.400	58.500	59.500	57.500	57.600	58.500	-1.700
GIA LAI	59.433	58.533	59.533	57.633	57.733	58.573	-1.607
Chư Prông	59.500	58.600	59.600	57.700	57.800	58.640	-1.600
Pleiku	59.400	58.500	59.500	57.600	57.700	58.540	-1.620
La Grai	59.400	58.500	59.500	57.600	57.700	58.540	-1.600
KON TUM	59.400	58.500	59.500	57.600	57.700	58.540	-1.700
Đắk Hà	59.400	58.500	59.500	57.600	57.700	58.540	-1.700

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn